

Số: 48 /QĐ-BVU

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 13 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả và danh sách thí sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh
trình độ đại học chính quy - Đợt xét tháng 6 năm 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-BVU ngày 01/7/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-BVU ngày 30/08/2017; số 267/QĐ-BVU ngày 30/08/2018; 310A/QĐ-BVU ngày 04/9/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học khóa tuyển sinh năm 2017, 2018, 2019;

Xét theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo & Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả và danh sách thí sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học chính quy - Đợt xét tháng 6 năm 2023 gồm 37 thí sinh có kết quả đạt (theo 02 danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp chứng nhận cho các thí sinh đạt có tên tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các Khoa;
- Công TTSV, TB egov;
- Lưu: VT, QLĐT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.LS Nguyễn Thị Hoài Phương



DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (DANH SÁCH 1)
(Xét đợt Tháng 6/2023)

(Đính kèm Quyết định số A8 /QĐ-BVU ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
						Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
1	19033847	Nguyễn Ngọc Hoàng Long	Nam	02/11/2000	DH19CT	6.40	HK 3 [2019-2020]	7.80	HK 1 [2020-2021]	6.70	HK 2 [2020-2021]	7.40	HK 3 [2020-2021]	5.70	HK 1 [2021-2022]	5.90	HK 2 [2022-2023]	6.7
2	19034722	Nguyễn Bá Hùng	Nam	26/01/2001	DH19DC	6.60	HK 2 [2019-2020]	9.30	HK 2 [2022-2023]	6.90	HK 1 [2020-2021]	5.70	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	6.40	HK 1 [2021-2022]	7.1
3	19033793	Nguyễn Tuấn Tài	Nam	25/09/2000	DH19DC	6.60	HK 2 [2020-2021]	7.20	HK 2 [2022-2023]	6.50	HK 2 [2020-2021]	5.70	HK 3 [2020-2021]	5.60	HK 3 [2021-2022]	5.60	HK 1 [2022-2023]	6.2
4	19034068	Trương Thị Quỳnh Thuận	Nữ	25/05/2001	DH19HQ1	6.60	HK 2 [2019-2020]	8.40	HK 2 [2022-2023]	5.40	HK 1 [2020-2021]	5.00	HK 2 [2020-2021]	7.20	HK 3 [2020-2021]	7.30	HK 1 [2021-2022]	6.7
5	19034422	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	25/03/2001	DH19KT	5.60	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2022-2023]	5.30	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2022-2023]	6.20	HK 3 [2020-2021]	6.00	HK 1 [2021-2022]	6.3
6	19033720	Nguyễn Gia Liêm	Nam	06/04/2001	DH19TP	8.40	HK 3 [2019-2020]	9.20	HK 2 [2022-2023]	7.30	HK 1 [2020-2021]	7.50	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	6.80	HK 1 [2021-2022]	7.8
7	19034684	Nguyễn Vũ Thái Sơn	Nam	05/09/2001	DH19TP	8.20	HK 3 [2019-2020]	8.70	HK 2 [2022-2023]	7.90	HK 1 [2020-2021]	8.30	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	6.50	HK 1 [2021-2022]	7.9
8	17031550	La Nguyễn Thùy Dương	Nữ	07/02/1999	DH17LG	4.60	HK 1 [2017-2018]	6.10	HK 2 [2017-2018]	5.60	HK 3 [2017-2018]	5.80	HK 1 [2018-2019]	7.10	HK 3 [2020-2021]	7.00	HK 2 [2022-2023]	6.0
9	18033917	Ngô Duy Đạt	Nam	06/04/2000	DH18CT	5.00	HK 2 [2018-2019]	8.40	HK 2 [2022-2023]	6.00	HK 1 [2019-2020]	7.40	HK 2 [2019-2020]	5.20	HK 3 [2019-2020]	5.60	HK 1 [2020-2021]	6.3
10	18033651	Hoàng Nhật Nguyên	Nam	11/09/2000	DH18CT	5.50	HK 2 [2018-2019]	7.90	HK 2 [2022-2023]	5.90	HK 1 [2019-2020]	7.60	HK 2 [2019-2020]	5.40	HK 3 [2019-2020]	4.80	HK 1 [2020-2021]	6.2
11	18033219	Nguyễn Huy Phương	Nam	14/03/2000	DH18TD	5.40	HK 1 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2022-2023]	5.70	HK 1 [2020-2021]	8.20	HK 2 [2022-2023]	7.00	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	6.8

Tổng số: 11 thí sinh được cấp chứng nhận.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (DANH SÁCH 2)
(Xét đợt Tháng 6/2023)

(Đính kèm Quyết định số 48/QĐ-BVU ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1A	Tiếng Anh 1B	Tiếng Anh 1C	Tiếng Anh 2A	Tiếng Anh 2B	Tiếng Anh 2C	Tiếng Anh 3A	Tiếng Anh 3B	Tiếng Anh 3C	Tiếng Anh 4A	Tiếng Anh 4B	Điểm Trung bình
1	18032881	Đỗ Hoàng Đạt	Nam	02/11/2000	DH19DL1	6.50	8.10	6.20	8.30	8.10	6.80	6.70	7.80	6.30	6.90	6.50	7.1
2	19034663	Trương Cao Đạt	Nam	12/09/2001	DH19DN	9.20	8.10	6.70	8.20	7.90	8.80	7.90	5.30	7.10	6.50	7.20	7.5
3	19034352	Hồ Ngọc Thảo	Nữ	18/05/2001	DH19DN	7.00	6.40	6.70	8.10	6.40	7.80	6.00	7.00	6.70	6.10	5.00	6.7
4	19033715	Lê Thành Danh	Nam	11/02/2001	DH19KS1	8.80	8.30	7.20	6.00	5.90	7.10	7.20	5.50	6.90	8.10	6.10	7.0
5	19034765	Chu Thị Kiều Chinh	Nữ	24/06/2000	DH19KS2	7.80	7.00	5.40	9.00	7.20	5.60	8.20	7.10	8.60	7.60	8.10	7.4
6	19033972	Đinh Thị Phương Nhi	Nữ	20/10/2001	DH19KS2	8.80	7.60	7.30	6.60	6.10	8.50	6.00	5.60	9.20	6.00	7.10	7.2
7	19034155	Bùi Thị Hồng Nhung	Nữ	02/03/2001	DH19KS2	9.10	7.10	7.50	7.80	8.20	8.30	8.50	7.70	9.30	6.20	8.00	8.0
8	19033808	Đoàn Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	05/06/2001	DH19KS2	9.30	7.00	7.40	7.10	7.60	8.40	6.70	6.80	7.70	5.40	6.20	7.2
9	18033495	Hoàng Thị Cẩm Tiên	Nữ	27/10/2000	DH19KS2	8.00	6.60	5.70	6.90	7.20	7.00	6.90	7.30	7.70	6.10	7.10	7.0
10	19033875	Phạm Hoàng Trung	Nam	20/06/2001	DH19KS2	9.00	7.80	8.40	8.80	8.80	9.40	7.80	8.30	9.00	7.30	7.30	8.4
11	19033802	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	18/04/2001	DH19KS2	9.10	8.20	7.80	8.50	7.50	8.20	8.10	7.50	8.60	7.30	7.40	8.0
12	19034482	Trần Thị Mỹ Khanh	Nữ	08/09/2001	DH19LG1	7.80	7.20	8.40	8.00	8.50	7.70	8.10	8.40	7.90	7.50	7.40	7.9
13	19034657	Nguyễn Gia Bảo	Nam	03/08/2001	DH19LG2	8.80	8.50	7.40	7.30	7.50	8.30	7.40	7.90	7.50	7.10	7.00	7.7
14	19034846	Trần Thị Phượng	Nữ	31/07/2001	DH19LG2	8.50	7.00	7.90	7.30	7.20	8.60	7.50	8.00	7.90	6.60	7.60	7.6
15	19034758	Phạm Thị Thanh Thanh	Nữ	20/10/2001	DH19LG2	9.60	7.10	8.20	8.20	7.80	8.40	8.20	7.50	8.50	6.90	7.80	8.0
16	19034538	Nguyễn Trung Tín	Nam	31/05/2001	DH19LG2	8.80	9.20	8.90	8.70	8.40	8.70	9.20	9.20	9.20	8.70	9.20	8.9
17	19034759	Đỗ Thị Phương Uyên	Nữ	25/12/2001	DH19LG2	9.10	7.50	7.90	7.70	8.40	9.00	8.00	7.00	9.20	6.30	7.00	7.9
18	19033894	Trần Thị Trà Vy	Nữ	03/12/2001	DH19LG2	8.90	6.90	5.70	6.30	6.90	7.70	6.20	6.10	7.90	5.70	6.60	6.8
19	19033862	Trần Đức Tín	Nam	02/05/2001	DH19LH	7.60	7.70	5.00	5.50	5.10	6.20	6.70	7.80	7.20	5.80	7.10	6.5
20	19034562	Lê Văn Đông	Nam	05/01/2001	DH19QG	6.90	5.70	6.10	6.30	6.20	5.20	5.70	6.40	8.40	7.10	8.10	6.6
21	19034830	Hoàng Anh Dũng	Nam	28/11/1999	DH19QG	8.50	6.20	6.60	7.10	6.60	8.60	8.70	8.30	5.00	8.20	7.50	7.4
22	19033974	Nguyễn Phúc Hậu	Nam	01/10/2001	DH19QG	8.40	7.40	8.20	5.60	5.30	7.80	7.20	5.20	8.00	6.30	6.40	6.9
23	19034110	Nguyễn Minh Nhật	Nam	24/12/1999	DH19QG	8.10	8.50	7.40	8.00	8.10	7.10	8.50	7.60	8.70	8.60	6.20	7.9
24	19034857	Nguyễn Thị Uyển Nhi	Nữ	28/10/2001	DH19QS	7.90	6.30	6.90	7.30	6.90	8.60	7.90	6.90	8.10	5.70	7.10	7.2
25	19034855	Nguyễn Thị Khánh Vy	Nữ	31/01/1998	DH19QS	8.70	7.60	6.40	6.70	6.30	7.20	7.30	6.60	7.30	5.50	8.60	7.1
26	19034570	Trần Hoài Thương	Nữ	18/08/2001	DH19TN	8.00	7.40	6.50	5.40	5.00	7.50	6.80	7.00	5.70	5.20	5.80	6.4

Tổng số: 26 thí sinh được cấp chứng nhận.